

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Lê Văn L, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2022, trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn, chị Lê Thị Đ, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do tự tìm hiểu

trước. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình nhà chồng được một thời gian thì vợ chồng cùng lên Đồng Nai làm thuê. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng cự cãi nhau. Khoảng tháng 3 năm 2021 thì anh H dọn sang phòng trọ khác ở nên vợ chồng không còn sống chung từ lúc đó. Ngoài ra vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Từ lúc vợ chồng không còn sống chung thì anh H cũng có năn nỉ chị nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn H.

Về việc nuôi con: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị cũng không có mang thai.

Về chia tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H vẫn không có mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2022 người làm chứng ông Lê Văn L, trình bày: Ông là cha ruột anh H, cha chồng chị Đ, vợ chồng anh H cưới nhau khoảng tháng 9 năm 2012. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước, sau khi cưới sống bên chồng được 01 thời gian thì lên Bình Dương làm, khoảng 02 năm trước thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có tình cảm với người phụ nữ khác, chị Đ ghen tuông nên anh H đề nghị về quê sống nhưng chị Đ không chịu, gia đình ông cũng có sang nhà cha mẹ chị Đ để nói chuyện để hàn gắn tình cho chị Đ với anh H nhưng không được, khi Tòa án gửi thông báo thụ lý, hòa giải, hoãn hòa giải thì ông có giao lại cho anh H nhưng anh H nói Tòa án mời lần thứ 3 mới về. Anh H hiện vẫn chung hộ khẩu với ông. Ông có nghe anh H nói còn tình cảm với vợ nhưng chị Đ kiên quyết ly hôn thì anh H cũng không biết làm gì. Vợ chồng anh H chung sống không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Lê Văn H, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh Lê Văn H, cư trú tại ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn H và người làm chứng ông Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh H, ông L vắng mặt, không có lý do và ông L đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Đ và anh Lê Văn H được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 02/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Đ là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị Đ, anh H đã có mâu thuẫn với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị Đ, anh H đoàn tụ nhưng chị Đ vẫn cương quyết ly hôn. Anh H, chị Đ không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Anh H muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị Đ không đồng ý. Anh Lê Văn H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị Đ. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị Đ, anh H không hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Đ ly hôn với anh Lê Văn H, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về việc nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định trên, nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn chị Lê Thị Đ chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Đ. Cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Lê Văn H.
2. Về con chung, tài sản chung: Tòa án chưa xem xét.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Đ chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003822 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú